TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2024/HS-ST
Ngày: 25 - 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hiến Cương**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Vạn Thế**.

2. Bà **Chung Thị Thu Nguyệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Duẩn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Giàu** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Phú B**, sinh năm 1982, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; đăng ký thường trú và cư trú tại: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phú Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; Bắt truy nã và tạm giữ ngày 15/02/2024; Tạm giam từ ngày 18/02/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Phú B:* Ông **Trần Văn N**, là Luật sư của Văn phòng L2; địa chỉ: Số E, KDC khóm D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

- *Bị hại:* 1. **Đặng Quang P (D)**, sinh năm 1962 (Có mặt).

2. **Trần Thị M**, sinh năm 1967 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: G ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Tấn M1**, sinh năm 1968; *Cư trú tại*: Số H, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

2. **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1977; *Cư trú tại*: Số A, ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

3. **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1973; *Cư trú tại*: Ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

4. **Lê Văn H1**, sinh năm 1981; *Cư trú tại*: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

5. **Ngô Quang L**, sinh năm 1984; *Cư trú tại*: Số A, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

6. **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1962; *Cư trú tại*: Số B, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phú B với ông Đặng Quang P và vợ ông P (bà Trần Thị M) là hàng xóm, láng giềng với nhau, cư trú cùng ấp H, xã L, huyện L. Do không có tiền tiêu xài, lợi dụng lúc ông P và bà M đi vắng, không ai trông coi tài sản, nên B đã thực hiện hành vi trộm cắp như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 15/9/2023, B đi bộ từ nhà đến nhà của ông P, thì B nhìn thấy không có ai ở nhà, nên nãy sinh ý định trộm cắp tài sản. B đi ra phía sau, đứng trên cái bao để sát vách nhà rồi trèo qua khe hở giữa vách nhà và mái nhà rồi đột nhập vào bên trong. Khi vào được trong nhà, B tìm kiếm tài sản để lấy trộm, nhưng không tìm được, rồi B đi ra hướng phòng khách phát hiện 01 cái tủ dùng để ly tách ở trên, phía dưới đã bị khoá. B nghĩ bên trong tủ có tài sản, nên tìm lấy một cây tua vít chiều dài 24cm, cán hình tròn lục giác màu vàng đỏ, chiều dài cán cầm 09cm, chiều dài từ cán cầm đến mũi 15cm ở phía sau nhà của ông P để cạy tủ. Một lúc sau, B mở được cửa tủ, thì thấy 01 cái túi màu đỏ, B mở ra phát hiện 01 cọc tiền gồm mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng, được gói bên ngoài bằng giấy, nên B lấy bỏ túi quần rồi tẩu thoát.

Sau khi trộm được tiền, B kiểm tra được tổng số tiền là 27.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày 15/9/2023, B gặp anh Nguyễn Tấn M1, thì B nói mới nhận được tiền đặt cọc bán đất, nên B nhờ anh M1 chở B đi mua xe. Anh M1 chở B đến tiệm C2 tại ấp L, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do anh Nguyễn Tấn T làm chủ mua 01 xe mô tô hiệu Sirius, biển số 66L1-561.19 giá 11.000.000 đồng, số tiền còn lại Bảo tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 18 giờ 45 cùng ngày 15/9/2023, ông Đặng Quang P trình báo việc mất tiền đến Công an xã L, huyện L.

Đến khoảng 09 giờ ngày 17/9/2023, B đến Công an xã L đầu thú, giao nộp 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 66L1-561.19 và 400.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của:

- Lê Phú B: 01 xe mô tô cùng Giấy đăng ký xe mô tô nhãn nhiệu Sirius, biển số 66L1-561.19, tên chủ xe là Trần Văn H2; tiền Việt Nam là 400.000 đồng.

- Đặng Quang P: 01 tua vít chiều dài 24cm, cán hình lục giác màu vàng đỏ, chiều dài cán cầm là 09cm, chiều dài từ cán cầm đến mũi 15cm, đã qua sử dụng.

Đối với xe mô tô nhãn nhiệu Sirius, biển số 66L1-561.19, kết quả điều tra xác định: Xe trên là của Trần Văn H2 mang đi cầm cố cho Dịch vụ cầm đồ Bảy Triều (có hợp đồng cầm cố) và không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Đến thời điểm B đến mua xe tại cửa hàng, thời hạn cầm cố tài sản đã hết nhưng chủ sở hữu không đến thanh toán, nên anh T đã bán xe cho B với giá 11.000.000 đồng.

Lê Phú B và ông P thống nhất, ông P nhận xe mô tô nhãn nhiệu Sirius, biển số 66L1-561.19 trị giá 11.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả. Do đó, ngày 12/3/2024, Cơ quan điều tra đã giao trả cho ông P xe mô tô nhãn nhiệu Sirius, biển số 66L1-561.19 cùng giấy đăng ký xe. Ông P yêu cầu B bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng, B thống nhất bồi thường, nhưng chưa thực hiện.

Tại phiên toà ngày 26/4/2024, Hội đồng xét xử Toà án Huyện ban hành Quyết định số: 05/2024/HSST-QĐ trả hồ sơ cho Viện kiểm sát Huyện (Theo Công văn số: 02/VKSLVo-HS ngày 26/4/2024 của Viện kiểm sát huyện L), để trưng cầu giám định tâm thần, để xác định năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo B.

Tại Kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 192/2024/KLGĐ ngày 11/6/2024 của Trung tâm P1 đã kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70 – ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Công văn số: 192.0/PYTT ngày 11/6/2024 của Trung tâm P1 giải thích Kết luận giám định pháp y tâm thần trường hợp của Lê Phú B như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hiện tại: Đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Về mặt pháp lý, Trung tâm chỉ cung cấp nguồn thông tin với vai trò bổ trợ tư pháp, còn việc áp dụng như thế nào là thuộc thẩm quyền của cơ quan tố tụng.

Tại Công văn số: 228/CV-VKSLVo ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát huyện L quyết định giữ nguyên Cáo trạng số: 22/CT-VKSLVo ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát huyện L truy tố bị cáo Lê Phú B ra Tòa án huyện L để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Lê Phú B.

Tại phiên toà ngày 19/7/2024, Hội đồng xét xử Toà án Huyện tiếp tục ban hành Quyết định số: 10/2024/HSST-QĐ trả hồ sơ cho Viện kiểm sát huyện L để điều tra bổ sung xem có ai đồng phạm cùng với bị cáo B thực hiện hành vi trộm tiền hay không, do tại phiên toà bị cáo B khai nhận có đối tượng tên L1 đưa cho bị cáo B cây tua vít để cạy tủ lấy trộm tiền và sau khi lấy trộm tiền bị cáo B có đưa cho L1 2.000.000 đồng.

Tại Công văn số: 322/CV-VKSLVo ngày 30/9/2024 của Viện kiểm sát huyện L quyết định giữ nguyên Cáo trạng số: 22/CT-VKSLVo ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát huyện L truy tố bị cáo Lê Phú B ra Tòa án huyện L để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Lê Phú B.

Tại bản Cáo trạng số: 22/CT-VKSLVo ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát huyện L, truy tố bị cáo Lê Phú B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra; nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lê Phú B phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phú B từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù. Do bị cáo B không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 592 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Phú B bồi thường cho bị hại Đặng Quang P và Trần Thị M số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

+ Về xử lý vật chứng, áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Đặng Quang P 01 tua vít chiều dài 24cm, cán hình lục giác màu vàng đỏ, chiều dài của cán cầm 09cm, chiều dài từ cán cầm đến mũi 15cm, đã qua sử dụng.

- Tiếp tục quản lý của Lê Phú B 400.000 đồng để bảo đảm thi hành án.

- Luật sư Trần Văn N bào chữa cho bị cáo B phát biểu: Đồng ý xét xử vắng mặt bị hại Trần Thị M và những người làm chứng; thống nhất nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo B; thống nhất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo B; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo B với mức án tù nhẹ nhất do bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

- Bị cáo Lê Phú B: Đồng ý xét xử vắng mặt bị hại Trần Thị M và những người làm chứng; cha và mẹ bị cáo đã chết và bị cáo không có anh, chị, em nào khác, nên không yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng cử người đại diện theo pháp luật hoặc người giám hộ cho bị cáo; bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý Luật sư N bào chữa cho bị cáo. Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Luật sư và không có ý kiến nào khác.

- Bị hại Đặng Quang P đồng ý xét xử vắng mặt bị hại Trần Thị M và những người làm chứng; yêu cầu bị cáo Lê Phú B có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại P và bị hại Màu số tiền còn lại là 16.000.000 đồng và đề nghị xử lý bị cáo B theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Bị cáo B, Luật sư bào chữa cho bị cáo và người bị hại không tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo thật sự sám hối về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát H3 và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự *(Theo giải thích tại Công văn số: 192.0/PYTT ngày 11/6/2024 của Trung tâm P1 giải thích Kết luận giám định pháp y tâm thần trường hợp của Lê Phú B)*, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã có hành vi lén lút lấy trộm của ông Đặng Quang P và bà Trần Thị M tổng số tiền là 27.000.000 đồng.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo B đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại điều khoản này quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:…".

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo B thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay là cần thiết, nhằm răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho xã hội nói riêng và cũng nhằm phòng ngừa trong toàn xã hội nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là: Đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú, được quy định tại điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã bị tạm giữ một thời gian, xét thấy cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho xã hội và cũng nhằm thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật XHCN, nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt tù bị cáo Bảo bằng với thời hạn đã bị tạm giữ, trả tự do cho bị cáo B ngay tại phiên toà, nếu bị cáo B không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, thể hiện bị cáo B không có nghề nghiệp ổn định, Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo B thống nhất bồi thường cho người bị hại số tiền 16.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Phú B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Phú B 08 (tám) tháng 14 (mười bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/02/2024.

Do thời hạn bị cáo Lê Phú B bị xử phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến ngày 25/10/2024, do đó trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Phú B, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 592 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Phú B có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đặng Quang P và Trần Thị M số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng, áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Lê Phú B số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền 400.000 đồng nêu trên được ông Châu Minh T1 thuộc Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp đăng nộp ngày 25/4/2024; Số tài khoản 113002882651, tại Ngân hàng TMCP C3, Chi nhánh Đ1 - Phòng G).

- Trả lại cho ông Đặng Quang P 01 tua vít chiều dài 24cm, cán hình lục giác màu vàng đỏ, chiều dài của cán cầm 09cm, chiều dài từ cán cầm đến mũi 15cm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/4/2024).

4. Về án phí, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Phú B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng (T2 trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Lê Phú B, bị hại Đặng Quang P có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Riêng bị hại Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Cơ quan CSĐT C4;
- Chi cục T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HSVA, VPTA (D).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hiến Cương